

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGÂN SƠN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-9-2023

*V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con chung, giải quyết nợ chung  
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Doanh Thiêm Vân.

2. Ông Đỗ Thanh Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà La Quỳnh Anh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa:** Ông  
Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc: *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, giải quyết nợ chung khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1991. Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bàn Văn N, sinh năm 1994 - Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Nhân Hiệp – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 12/5/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Bàn Văn N kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân (UBND) xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 14/7/2014. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2020, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, trong cuộc sống hôn nhân không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm dẫn đến giữa hai người đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Nay chị Đặng Thị H thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn N.

2. Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh N có 02 người con chung là cháu Bàn Thị Trà X, sinh ngày 16/5/2013 và cháu Bàn Thị Tuệ Y, sinh ngày 06/4/2018 (các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường). Sau khi ly hôn, chị Đặng Thị H có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và giải quyết nợ chung sau khi ly hôn: Chị Đặng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nộp đơn khởi kiện, ngày 22/8/2023 chị Đặng Thị H có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn giải quyết vấn đề giải quyết nợ chung và chị cung cấp thông tin quá trình chung sống, hai vợ chồng anh chị có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch huyện Ngân Sơn số tiền là 50.000.000 đồng với mục đích là nuôi trâu sinh sản thông qua Hội Nông dân (hiện tại đã trả được 18.000.000 đồng, còn nợ lại 32.000.000 đồng), đối với số nợ này chị Hương nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết để chị trả toàn bộ số tiền nợ còn lại và không yêu cầu anh Bàn Văn N phải trả khoản nợ nêu trên.

Theo bản tự khai ngày 24/5/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2023, bị đơn anh Bàn Văn N nhất trí với tình trạng hôn nhân, con chung như chị Đặng Thị H đã trình bày, anh cho rằng tình cảm giữa hai người không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, về con chung anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con chung cho anh được là người trực tiếp là người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ ngân hàng anh nhất trí như trình bày của chị H đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết để anh trả khoản nợ này và không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ trả.

*Do hai bên đương sự bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết dứt điểm và toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.*

Tại văn bản số 202/UBND - TP ngày 08 tháng 6 năm 2023 của UBND xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn về việc trả lời xác minh thông tin công dân, thấy:

Chị Đặng Thị H và anh Bàn Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Hai người đăng ký kết hôn số 20 quyền số 01/2011 ngày 14/7/2014. Hai người có hai người con chung là cháu Bàn Thị Trà X, sinh ngày 16/5/2013 và cháu Bàn Thị Tuệ Y, sinh ngày 06/4/2018, hiện cả hai cháu cùng chung sống với bố và cùng trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình chung sống hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn phải nhờ chính quyền địa phương hay thôn can thiệp. Hai vợ chồng có khoản nợ vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Ngân Sơn với số tiền là 32.000.000 đồng, vay qua Hội Nông dân.

Tại bản tự khai ngày 30/8/2023, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách và xã hội Việt Nam có ý kiến và yêu cầu như sau: Anh Bàn Văn N và chị Đặng Thị H còn một khoản nợ vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn cụ thể: Đối với Chương trình vay hộ nghèo, số tiền vay là 50.000.000 đồng, vay ngày 12/6/2019, mục đích vay là mua trâu sinh sản, thời hạn là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là 12/6/2024, lãi suất là 6,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, số tiền trả nợ là 10.000.000 đồng/lần, lãi tiền vay được trả định kỳ vào ngày 12 hàng tháng. Hiện nay anh N và chị H còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền gốc là 32.000.000 đồng, ý kiến của phía Ngân hàng là đề nghị anh Bàn Văn N và chị Đặng Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đặng Thị H, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị, chị nhất trí giao con chung của hai bên đương sự cho anh Bàn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Không đề nghị giải quyết vấn đề cấp dưỡng, không đề nghị chia tài sản chung và đồng ý để anh Bàn Văn N sẽ chịu trách nhiệm trả khoản nợ đã vay đối với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Tòa án đã tiến hành ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định, tuy nhiên do bị đơn anh Bàn Văn N vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 21/9/2023. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/9/2023, bị đơn anh Bàn Văn N vẫn vắng mặt mà không có lý do dù đã được thông báo và triệu tập hợp lệ. Do vậy, hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

*Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Bàn Văn N thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị H về việc xin ly hôn với anh Bàn Văn N. Chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Bàn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung của hai bên đương sự cho bị đơn anh Bàn Văn N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Đặng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về giải quyết nợ chung: Bị đơn anh Bàn Văn N phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 32.000.000 đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

5. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải và tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhằm đáp ứng cho việc giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị H và nội dung tranh chấp cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, giải quyết nợ chung khi ly hôn*” được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Theo văn bản đề ngày 08/6/2023 của UBND xã B, huyện Ngân Sơn và xác nhận thông tin về cư trú số 249/XN, ngày 24/4/2023 của Công an xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn thì bị đơn anh Bàn Văn N hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn theo trình tự sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Bàn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Bàn Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2014 tại UBND xã B, huyện Ngân Sơn,

tỉnh Bắc Kạn, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Bàn Văn N là hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do cả hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, đời sống vợ chồng không hòa hợp. Anh N và chị H đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, chị H khẳng định không còn tình cảm cho anh N nữa, anh N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí ly hôn với chị Đặng Thị H. Xét thấy quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng chị H và anh N đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho hai bên đương sự ly hôn.

2.2. Về quan hệ nuôi con chung: Hai vợ chồng chị H và anh N có hai người con chung, cháu lớn tên là Bàn Thị Trà X, sinh ngày 16/5/2013, cháu thứ hai tên là Bàn Thị Tuệ Y, sinh ngày 06/4/2018 (các cháu đều giới tính nữ, đều khỏe mạnh và phát triển bình thường). Quá trình giải quyết vụ án, cả hai bên đương sự đều có ý kiến là yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho mình được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đặng Thị H nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai người con chung cho bị đơn anh Bàn Văn N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án ngày 23/5/2023, cháu Bàn Thị Trà X trình bày là sau ly hôn nguyện vọng của cháu là cháu muốn ở với bố và bà nội. Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên đương sự Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn thấy rằng với điều kiện của anh N và chị H hiện tại thì nếu giao cả hai con chung cho bị đơn anh Bàn Văn N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế khách quan, điều kiện kinh tế và hoàn cảnh hiện tại của hai bên đương sự và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Bàn Thị Trà X cũng như ý kiến của hai bên đương sự.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

2.4. Về chia tài sản chung: Hai bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

2.5. Về giải quyết nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh Bàn Văn N và chị Đặng Thị H đều cung cấp chứng cứ là có một khoản nợ vay tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn cụ thể là Chương trình vay hộ nghèo, số tiền vay là 50.000.000 đồng, vay ngày 12/6/2019, mục đích vay là mua trâu sinh sản, thời hạn là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là 12/6/2024, lãi suất là 6,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, số tiền trả nợ là 10.000.000 đồng/lần, lãi tiền vay được trả định kỳ vào ngày 12 hàng tháng. Hiện nay anh Ngoan và chị Hương còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc là 32.000.000 đồng, ý kiến của phía Ngân hàng là đề nghị anh Bàn Văn N và chị Đặng Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả chị H và anh N đều nhất trí là anh N sẽ là người có trách nhiệm trả khoản nợ đã vay này. Xét yêu cầu đó là phù hợp do vậy cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn và bị đơn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị H đối với bị đơn anh Bàn Văn N về việc tranh chấp: *“Ly hôn, nuôi con chung, giải quyết nợ chung khi ly hôn”*.

**Tuyên xử:** Chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Bàn Văn N.

**2.** Về nuôi con chung: Giao con chung của hai bên đương sự là các cháu Bàn Thị Trà X, sinh ngày 16/5/2013 và cháu Bàn Thị Tuệ Y, sinh ngày 06/4/2018 (các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho bị đơn anh Bàn Văn N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu Bàn Thị Trà X và cháu Bàn Thị Tuệ Y đủ 18 tuổi.

Chị Đặng Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3.** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.*

**4.** Về chia tài sản chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5.** Về giải quyết nợ chung: Buộc bị đơn anh Bàn Văn N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Ngân Sơn Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn số tiền đã vay còn lại là 32.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên theo sổ vay vốn có mã khách hàng là 7094828602, số tiền trên vay ngày 12/6/2019, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/6/2024.

**6.** Về án phí: Nguyên đơn Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0000396, ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Ngân Sơn. Xác nhận nguyên đơn chị Đặng Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

**7. Quyền kháng cáo:**

7.1. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7.2. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- UBND xã B, huyện Ngân Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thái Công**





